TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GIÁ RAI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 45A/2021/QĐST – HNGĐ	*Giá Rai, ngày 02 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 73A/2021/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mỹ Đ** sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp Thông L, xã Châu H, huyện V, tỉnh B.

Bị đơn: Anh **Võ Phương N** sinh năm 1986

Địa chỉ: khóm 2, phường Hộ P, thị xã G, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Mỹ Đ và anh Võ Phương N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Về hôn nhân: Anh Võ Phương N và chị Nguyễn Thị Mỹ Đ thống nhất chung sống từ năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn số 217/2011 quyển 01/2010 ngày 05/12/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hộ Phòng, này là phường Hộ Phòng. Hai bên thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2/ Về con chung: Hai bên xác định chung sống có 01 con chung tên Võ Phú Q sinh ngày 21/3/2013. Hai bên tự nguyện thỏa thuận và thống nhất giao Chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 25/3/2021 cho đến khi con chung

đủ 18 tuổi. Chị Đ trực tiếp nuôi con có quyền nhận tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh Võ Phương N không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2.3/ Về tài sản chung: Hai bên thống nhất không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

2.4/ Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình chị Đ, anh N mỗi người phải nộp 75.000 đồng. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh N phải nộp 150.000 đồng do anh N đã tự nguyện cấp dưỡng trước khi tiến hành hòa giải. Tổng án phí anh N phải nộp là 225.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai. Chị Đ đã dự nộp 300.000đ lai thu số 0001629 ngày 25/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai chuyển thu án phí 75.000 đồng và Chị Đ được nhận lại 225.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- UBND phường Hộ Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Giang Thị Cẩm Thúy